

THÔNG TƯ số 08-TC/TQD ngày 5-3-1966 giải thích và quy định chi tiết thi hành chế độ thuế buôn chuyển mới.

Căn cứ điều 48 của Điều lệ thuế công thương nghiệp (quyết định số 200-NQ/TVQH ngày 18-1-1966 của Ủy ban thường vụ Quốc hội) và chỉ thị số 35-TTg/TN ngày 21-2-1966 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính giải thích và quy định chi tiết thi hành thuế buôn chuyển như sau :

I. CHÍNH SÁCH THUẾ BUÔN CHUYỂN

Thuế buôn chuyển nhằm mục đích :

— Góp phần tăng cường quản lý thị trường, chống đầu cơ tích trữ, bình ổn vật giá, giúp thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán nắm nguồn hàng và mở rộng kinh doanh; góp phần bảo đảm các nhu cầu sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân ;

— Hạn chế thương nghiệp tư nhân phát triển, ngăn ngừa hiện tượng bỏ sản xuất đi buôn, thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với những người buôn chuyển, đồng thời lợi dụng tính tích cực của những người buôn bán nhỏ trong việc chuyên vận, đẩy mạnh lưu thông một số mặt hàng mà thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, trong một thời gian dài nữa, chưa kinh doanh hoặc chưa có điều kiện mở rộng được việc kinh doanh (như các hàng tươi sống, khó bảo quản) ;

— Điều tiết thu nhập của người buôn chuyển, động viên làm nghĩa vụ đóng góp đúng mức cho ngân sách Nhà nước.

II. NỘI DUNG NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THUẾ BUÔN CHUYỂN

1. Ai phải nộp thuế buôn chuyển ?

a) Những đối tượng sau đây phải nộp thuế buôn chuyển :

— Những người buôn bán từng chuyến hàng,
— Những cơ sở kinh doanh thuộc loại nộp thuế doanh nghiệp nhưng đem hàng đi bán ở ngoài khu vực được phép kinh doanh, hoặc bán những loại hàng không thuộc loại đã đăng ký kinh doanh.

b) Những trường hợp sau đây không phải nộp thuế buôn chuyển :

— Người nông dân, sau khi làm đầy đủ nghĩa vụ bán sản phẩm cho Nhà nước, đem nông phẩm do mình sản xuất, súc vật do mình chăn nuôi, người đánh cá, người đi săn đem sản vật tự mình kiếm được, bán trong khu vực quy định (thường gọi là khu vực tự sản tự tiêu); nếu mang đi bán ngoài khu vực đó thì phải nộp thuế buôn chuyển.

Hiện nay ở nông thôn, hợp tác xã mua bán đã phát triển tương đối mạnh, nhu cầu về tiêu thụ sản phẩm của nông dân đã được giải quyết về cơ bản. Mặt khác, yêu cầu về thâm canh, tăng năng suất đòi hỏi dồn sức lao động vào sản xuất nông nghiệp, hạn chế việc nông dân mang sản phẩm đi bán xa, vì vậy không nên quy định khu vực tự sản tự tiêu quá rộng rãi; nhưng đồng thời, cũng cần phải chiếu cố thích đáng đến tập quán và yêu cầu khác nhau của từng vùng mà quy định cho thích hợp với hoàn cảnh địa phương. Các cơ quan thu cần cùng với cơ quan thương nghiệp, soát lại khu vực tự sản tự tiêu hiện hành, nghiên cứu, điều chỉnh theo tinh thần trên, và sau khi lấy ý kiến của các Ủy ban hành chính huyện, đề nghị với Ủy ban hành chính tỉnh quyết định. Đối với các khu vực tự sản tự tiêu có liên quan đến nhiều tỉnh, thì các Ủy ban hành chính các tỉnh có liên quan nên có quyết định chung.

— Các hợp tác xã nông nghiệp có một số nông sản như rau, quả tươi..., thu hoạch rồi mà không có điều kiện tiêu thụ hết trong khu vực tự sản tự tiêu nên phải mang đi xa bán cho thương nghiệp quốc doanh hay cho hợp tác xã mua bán thì cũng được miễn thuế buôn chuyển, nếu có giấy của Ủy ban hành chính xã chứng nhận là nông sản của hợp tác xã nông nghiệp tự sản xuất mà hợp tác xã mua bán hay cơ quan được thương nghiệp quốc doanh ủy thác mua hàng ở xã không thu mua. Trong trường hợp hợp tác xã mua bán hoặc thương nghiệp quốc doanh nơi hợp tác xã nông nghiệp đem nông sản đến bán cũng không thu mua những thứ hàng đó nên hợp tác xã nông nghiệp phải bán ra thị trường thì cũng được miễn thuế buôn chuyển. Cơ quan thu cần tăng cường hướng dẫn các Ủy ban hành chính xã nắm vững nguyên tắc cấp giấy chứng nhận để phối hợp tốt việc quản lý thuế, quản lý kinh doanh với quản lý lao động ở địa phương phục vụ sản xuất nông nghiệp.

— Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp có đăng ký kinh doanh, và nộp thuế doanh nghiệp và thuế lợi tức doanh nghiệp ở nơi đăng ký kinh doanh, nếu có giấy phép của cơ quan thương nghiệp cho mang hàng tự sản xuất đi bán ở tỉnh khác và có mang theo sổ hóa đơn đề xuất hóa đơn khi bán hàng, thì không phải nộp thuế buôn chuyển.

— Tư nhân đem bán đồ dùng của mình, không có mục đích buôn bán kiếm lợi, không phải nộp thuế buôn chuyển. Để tránh mọi sự lạm dụng, đối với những trường hợp bán nhiều đồ dùng, hoặc đồ dùng đem bán có giá trị lớn (như xe đạp, radio...) người đem bán phải có giấy chứng nhận của Ủy ban hành chính nơi trú quán hoặc của cơ quan nơi làm việc. Nếu cơ quan thu có nghi vấn thì điều tra thêm xem

việc bán hàng có tính chất kinh doanh hay không. Nếu chưa xác định được dứt khoát thì ghi lại trường hợp đó và có kế hoạch theo dõi điều tra, không nên vội thu thuế thiếu căn cứ.

— Bán các loại hàng thực phẩm thuộc loại chịu thuế suất 5% mà giá bán một chuyến hàng chưa tới 10đ thì được miễn thuế buôn chuyển; nếu chuyến hàng trị giá từ 10đ trở lên mà người buôn chuyển chia ra nhiều lô nhỏ dưới 10đ để bán thì phải cộng gộp lại để tính và thu thuế buôn chuyển.

Đối với các loại hàng khác thì phải nộp thuế buôn chuyển không kể chuyến hàng trị giá bao nhiêu.

2. Thuế suất, cơ sở để tính thuế.

Thuế buôn chuyển thu vào doanh thu từng chuyến hàng là một hình thức thu gộp hai thứ thuế làm một: thuế doanh nghiệp và thuế lợi tức doanh nghiệp, do đó thuế suất thuế buôn chuyển cao hơn thuế suất thuế doanh nghiệp (thu vào doanh thu của những người buôn ngời).

Biểu thuế buôn chuyển trước đây chỉ phân biệt có hai loại hàng: nông lâm thổ sản (5%) và công nghệ phẩm (7%). Nay chế độ thuế mới ban hành chia ra các loại hàng sau đây, để phân biệt đối đãi cho sát yêu cầu của chính sách thu:

— Các thực phẩm phụ (ngao, sò, ốc, hến...) và hàng thủ công phục vụ nông nghiệp (thúng, mủng, nong, nia...) được hưởng thuế suất nhẹ hơn các loại hàng khác;

— Các loại hàng khó bảo quản (hoa quả, rau dưa...) được hưởng thuế suất nhẹ hơn các loại hàng khô (hành, tỏi, mộc nhĩ, nấm hương...);

— Các loại hàng khô kể trên được hưởng thuế suất nhẹ hơn các loại hàng như đồ trang trí (cây cảnh, cá cảnh...);

— Đối với các loại hàng mà thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán ở địa phương đang vươn lên để nắm nguồn hàng thì cần hạn chế buôn chuyển, do đó mà phải chịu thuế suất cao hơn các loại hàng mà thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán chưa kinh doanh hay chỉ mới kinh doanh một phần, còn cần phải sử dụng buôn chuyển tự nhân để đầy mạnh giao lưu hàng hóa.

Để thể hiện được những nguyên tắc kể trên, biểu thuế quy định cho mỗi nhóm hàng một thuế suất khác nhau: 5%, 7%, 10%, 12% (xem biểu thuế kèm theo Điều lệ).

Nhằm phục vụ yêu cầu quản lý thị trường và phát triển thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán sát với hoàn cảnh từng địa phương, điều lệ thuế quy định là Bộ Tài chính có thể quyết định cho Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố được nâng thuế suất lên một cấp hay hạ xuống một cấp đối với địa phương mình.

Thí dụ: loại hàng buôn chuyển chịu thuế suất 10%, nếu ở địa phương hợp tác xã mua bán chưa vươn lên kinh doanh được, do đó còn cần sử dụng buôn chuyển thì có thể hạ thuế suất xuống một cấp, tức là áp dụng thuế suất 7%; nếu cần hạn chế buôn chuyển để hợp tác xã mua bán vươn lên kinh doanh thì có thể nâng lên một cấp, tức là áp dụng thuế suất 12%.

Việc nâng cấp và hạ cấp thuế nói trên phải do Ủy ban hành chính tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương đề nghị, Bộ Tài chính quyết định, và thuế suất cao nhất không được quá 12%, thuế suất thấp nhất không dưới 5%, là mức cao nhất và thấp nhất của biểu thuế do điều lệ đã ấn định.

Nhằm bảo đảm chính sách phân biệt đối đãi đối với từng loại hàng, nếu trong một chuyến mà gồm nhiều loại hàng thì thuế buôn chuyển tính trên doanh thu của từng loại hàng, theo thuế suất quy định trong biểu thuế buôn chuyển kèm theo Điều lệ và theo sự hướng dẫn của «bảng hướng dẫn việc áp dụng thuế suất thuế buôn chuyển» đính theo thông tư này. Để áp dụng bảng hướng dẫn này cho sát với tình hình địa phương, cần chú ý tránh áp dụng máy móc, đối với mặt hàng nào đó tuy có ghi trong bảng, nhưng ở địa phương sản xuất thứ hàng đó xét không nên cho kinh doanh buôn chuyển vì đã tổ chức thu mua toàn bộ, thì Ủy ban hành chính tỉnh sẽ tổ chức công bố, phổ biến, giải thích rộng rãi trong nhân dân và hướng dẫn cơ quan thu không được thu thuế buôn chuyển vào loại hàng đó. Nếu gặp trường hợp có người buôn chuyển loại hàng đó, thì cơ quan thu không thu thuế mà chuyển sang cho cơ quan thu mua giải quyết.

3. Thủ tục khai báo giữ sổ sách tính thuế và nộp thuế buôn chuyển.

— Người buôn chuyển đã được đăng ký kinh doanh ở cơ quan thương nghiệp phải khai báo với cơ quan thu để được cấp sổ buôn chuyển, theo mẫu kèm theo thông tư này⁽¹⁾.

Mỗi lần mua xong một chuyến hàng, người buôn chuyển phải ghi vào sổ buôn chuyển: tên hàng, số lượng, giá mua đơn vị và giá mua cả lô hàng; trước khi vận chuyển chuyến hàng đó đến nơi bán, phải trình sổ buôn chuyển và hàng hóa cho cơ quan thu ở nơi mua và tạm nộp thuế buôn chuyển; khi đến nơi bán hàng, người buôn chuyển phải trình sổ và hàng hóa cho cơ quan thu sở tại để mua hóa đơn buôn chuyển; và ngay sau khi bán hàng xong phải đến thanh toán thuế cho cơ quan thu đó.

— Cơ quan thu ở nơi người buôn chuyển mua hàng có trách nhiệm kiểm soát chuyến hàng xin

(1) Mẫu sổ buôn chuyển không đăng công báo.

vận chuyển, đối chiếu với sổ buôn chuyển, tính và tạm thu thuế theo trị giá mua của chuyển hàng tại địa phương. Phương pháp tính như sau: căn cứ vào trị giá mua của từng loại hàng mà tính thuế theo thuế suất ghi trong biểu thuế, ví dụ:

Một người buôn chuyển, mua ở thị xã Bắc-giang và xin chuyển vận về bán ở Hà-nội một chuyển hàng gồm:

20kg ốc nhồi giá mua	1đ00/kg
10kg củ đậu »	0,80/kg
10kg củ gừng »	0,80/kg

thì tính tạm thu như sau:

Ốc	1đ	$\times 20 \times 5\%$	= 1đ00
Củ đậu	0,80	$\times 10 \times 7\%$	= 0,56
Củ gừng	0,80	$\times 10 \times 7\%$	= 0,56
Thuế buôn chuyển tạm thu...			2đ12

Trong biên lai tạm thu thuế buôn chuyển, cán bộ thu phải chú ý ghi thuế suất đã áp dụng để tính tạm thu vào đúng cột quy định, đề khi người buôn chuyển sau khi đã bán hàng đến thanh toán thuế tại cơ quan thu ở nơi bán thì cơ quan này có căn cứ để kiểm tra và thanh toán thuế đúng chính sách.

Sau khi tạm thu thuế buôn chuyển, cơ quan thu phải ghi vào sổ buôn chuyển số thuế tạm thu, số và ngày lập biên lai thu, tên trạm thu.

— Một điều cần đặc biệt chú ý là đối với những chuyển hàng đã tạm nộp thuế buôn chuyển rồi thì các cơ quan thu ở dọc đường chuyển vận từ nơi mua đến nơi bán, tuyệt đối không được thu thêm thuế, trừ trường hợp kiểm soát thấy số lượng, trọng lượng và loại hàng chuyển vận nhiều hơn số lượng, trọng lượng và loại hàng ghi trong sổ buôn chuyển, gặp trường hợp này thì yêu cầu người buôn chuyển phải ghi thêm vào sổ, sau đó thì tạm thu thuế vào phần chênh lệch, theo giá mua các loại hàng ấy ở nơi hàng xuất phát, đồng thời tùy theo mức độ khai man nặng hay nhẹ có thể xử lý theo điểm 2, điều 44 Điều lệ thuế công thương nghiệp.

Cơ quan thu ở nơi người buôn chuyển đến bán hàng có trách nhiệm kiểm soát chuyển hàng đối chiếu với sổ buôn chuyển và biên lai tạm thu thuế buôn chuyển.

Nếu thấy số lượng nhiều hơn thì yêu cầu người buôn chuyển ghi thêm vào sổ số lượng và trị giá lô hàng ghi thiếu. Sau đó cơ quan thu bán cho người buôn chuyển một sổ hóa đơn buôn chuyển (theo mẫu hiện hành) có đóng dấu giáp lai để khi bán hàng, họ cấp hóa đơn cho người mua.

Ngay sau khi bán xong hàng người buôn chuyển phải đem mảnh thứ hai và mảnh tồn căn hóa đơn buôn chuyển đến cơ quan thu để thanh toán thuế buôn chuyển, đồng thời trả lại cơ quan thu những hóa đơn mua thừa.

Cơ quan thu thanh toán thuế buôn chuyển như sau:

— Đối với các loại hàng có biên lai tạm nộp thuế buôn chuyển thì căn cứ giá bán thực tế từng loại hàng, áp dụng thuế suất ghi trong biểu thuế về loại hàng ấy và thu phần thuế chênh lệch. Ví dụ: người buôn chuyển chuyển vận từ thị xã Bắc-giang về Hà-nội 20kg ốc, 10kg củ đậu và 10kg củ gừng và đã tạm nộp thuế buôn chuyển ở Bắc-giang như nói ở trên, nay bán được: ốc 1đ30/1kg; — củ đậu 1đ/1kg — gừng 1đ20/1kg thì thanh toán thuế như sau:

Ốc	1đ30	$\times 20 \times 5\%$	= 1đ30
Củ đậu	1đ	$\times 10 \times 7\%$	= 0,70
Củ gừng	1đ20	$\times 10 \times 7\%$	= 0,84

Thuế buôn chuyển phải nộp: 2đ84
Trừ thuế đã tạm nộp ở Bắc-giang 2đ12

Còn phải nộp: 0đ72

Nếu thấy trong chuyển hàng có loại hàng không ghi vào sổ buôn chuyển thì thu thuế, đồng thời tùy theo mức độ nặng hay nhẹ của việc ghi sổ không đủ mà xử lý theo các điểm 2 hoặc 4 điều 44 Điều lệ thuế công thương nghiệp.

Sau khi người buôn chuyển đã thanh toán đủ thuế, cơ quan thu ở nơi họ bán hàng phải ghi vào sổ buôn chuyển số tiền thuế đã thu thêm, số và ngày lập biên lai, tên trạm thu.

Trong trường hợp người buôn chuyển đã tạm nộp thuế buôn chuyển, nhưng dọc đường hàng bị thiệt hại vì thiên tai hay địch họa nếu người buôn chuyển có giấy chứng nhận về mức độ thiệt hại của chính quyền hoặc đồn Công an nơi xảy ra tai nạn thì giải quyết như sau:

— Nếu chuyển hàng bị thiệt hại hoàn toàn, cơ quan đã tạm thu thuế buôn chuyển xét, hoàn lại cho người nộp thuế số thuế đã tạm thu.

— Nếu chuyển hàng bị thiệt hại một phần, cơ quan thu ở nơi bán hàng phải tính thuế đối với số hàng còn lại; nếu số thuế này nhiều hơn số đã tạm thu ở nơi hàng xuất phát thì thu thêm phần chênh lệch; nếu ngang với số đã tạm thu hoặc thấp hơn số đã tạm thu thì không thu thêm; trong cả ba trường hợp đều phải ghi rõ chi tiết tính toán để cơ quan thu ở nơi hàng xuất phát có đủ tài liệu kiểm tra và hoàn lại số tiền thừa nếu có.

Trên đây là phương pháp thu thuế buôn chuyển đối với những người buôn chuyển đã được cơ quan thương nghiệp cấp giấy đăng ký kinh doanh.

Những người buôn chuyển không có đăng ký đều phải coi như kinh doanh trái phép và phải xử lý như sau:

— Nếu kinh doanh những loại hàng được tự do lưu hành, trao đổi trên thị trường thì phải nộp thuế theo thuế suất ghi trong biểu thuế, cộng (+) thêm 2%; ví dụ:

Kinh doanh loại hàng chịu thuế suất:

— 5%	thì phải nộp	5% + 2% = 7%
— 7%	—	7% + 2% = 9%
— 10%	—	10% + 2% = 12%
— 12%	—	12% + 2% = 14%

— Nếu kinh doanh những loại hàng Nhà nước thống nhất quản lý hoặc địa phương tổ chức thu mua toàn bộ, không cho tư nhân mua, bán (danh mục những loại hàng này do Ủy ban hành chính thành, tỉnh quy định và công bố) thì cơ quan thu không được thu thuế mà phải lập biên bản chuyển giao hàng cho cơ quan có trách nhiệm xử lý (thương nghiệp, lương thực, thực phẩm...).

Tuần kỳ cơ quan thu phải lập danh sách ghi rõ họ tên và địa chỉ những người buôn chuyển không có đăng ký, gửi tới cơ quan thương nghiệp để có biện pháp giải quyết.

Một số trường hợp đặc biệt kê dưới đây, vì không phải là người làm nghề buôn bán cho nên mặc dù không có giấy đăng ký kinh doanh buôn chuyển người bán hàng vẫn được nộp thuế theo thuế suất ghi trong biểu (không cộng thêm 2%):

— Người nông dân bán nông phẩm tự sản xuất, súc vật tự chăn nuôi hay người đánh cá, người đi săn bán sản vật tự kiếm được, ngoài khu vực tự sản tự tiêu đã được chính quyền địa phương quy định;

— Những người nhất thời bán một số đồ dùng cũ (số lượng nhiều hoặc có trị giá lớn) nếu không có giấy chứng nhận của chính quyền nơi trú quán hoặc cơ quan nơi làm việc.

Thuế buôn chuyển là một loại thuế dễ bị thất thu vì kinh doanh buôn chuyển là một loại kinh doanh dễ trốn thuế, lậu thuế.

Vì vậy trong công tác quản lý thu thuế buôn chuyển, các cơ quan thu cần đặc biệt chú ý mấy việc sau đây:

1. Tuyên truyền, phổ biến kỹ chính sách, chế độ thuế buôn chuyển mới;

2. Bố trí mạng lưới thu thuế thích hợp;

3. Phải điều tra nắm vững giá cả (giá mua và giá bán) của những loại hàng thường trao đổi buôn chuyển ở thị trường địa phương; hàng tuần, mỗi trạm thu phải lập bảng giá cả (giá mua và giá bán) để làm căn cứ tính thuế cho cán bộ thu. Cần phải có sự liên hệ chặt chẽ giữa các cơ quan thu với nhau, nhất là với cơ quan thu ở nơi thường đem hàng đến bán tại địa phương mình (trao đổi bảng giá cả hàng tuần, tình hình người đi buôn chuyển v.v...);

4. Phải đề cao công tác kiểm soát, khắc phục tư tưởng giờ giấc, ngại khó, tác phong quan liêu, sự vụ, kiểm soát qua loa chiếu lệ; phải quản lý chặt chẽ hóa đơn buôn chuyển,

Trên đây Bộ hướng dẫn một số điểm về nguyên tắc thi hành điều lệ thuế công thương nghiệp về thuế buôn chuyển; trong khi thi hành, nếu gặp khó khăn, đề nghị Ủy ban hành chính phản ánh về Bộ đề góp ý kiến giải quyết.

Hà-nội, ngày 5 tháng 3 năm 1966

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

BẢNG HƯỚNG DẪN VIỆC ÁP DỤNG THUẾ SUẤT THUẾ BUÔN CHUYỂN

(ban hành kèm theo thông tư số 08-TC/TQD ngày 5-3-1966 của Bộ Tài chính).

I. LOẠI HÀNG CHỊU THUẾ SUẤT 5%

a) Các loại thực phẩm:

Ngao, sò, ốc, hến, trai, cua, cáy, rạm, tép nước ngọt (tươi, khô), nhộng, các loại cá vụn nước ngọt.

b) Các loại hàng thủ công phục vụ nông nghiệp:

— Đố, lơ, nơm, dậm;

— Các loại nông, nia, thúng, mùng, sàng, giã, rá, rá, đầu, bờ, cọt, sọt, thùng chảo, quang, đôn gánh, thuyền nan nhỏ, thuyền thúng, gàu tát nước;

— Các loại nông cụ được phép kinh doanh (ví dụ: bắp cày, ách (vai) cày, v.v...);

— Các loại nôi, chậu (bằng đất).

II. LOẠI HÀNG CHỊU THUẾ SUẤT 7%

a) Các loại rau tươi:

Các loại rau xanh: rau cải, rau muống, rau cần, rau mùi, cải bắp...;

— Các loại rau bầu, bí, mướp, cà, ớt, dưa chuột...;

— Su hào, súp lơ, su su, đậu tươi các loại...;

b) Các loại củ:

— Khoai lang tươi, khoai sọ, khoai tây, khoai riềng, sắn tươi, sắn giã, củ từ, củ mỡ, củ hoàng tinh, củ đậu, củ ấu...;

— Củ gừng, củ nghệ, củ riềng...

c) Các loại chè uống:

— Chè tươi, chè nụ, chè hạt, nụ vối,...

d) Các loại quả thường:

— Đào, mơ, mận, táo, móc cocọc, ổi, na, dơ, hồng bì, thị, mít, đu đủ chín, đu đủ, mướp, sấu, khế, sim...;

— Quả dọc, quả trám...;

e) Các loại thuốc nam tươi và khô để chữa bệnh:

— Từ tô, kinh giới, ngải cứu, thạch xương bồ, khở sâm, hà thủ ô, hương phụ, vỏ quít, (kể cả các loại thuốc nam khai thác trên rừng)...;

— Các loại lá xông, lá tắm, bồ hòn, bồ kết...

g) Các loại cây giống và các loại rau giống :

- Các loại cây giống ăn quả : cam giống, quýt giống, vải giống, dứa giống...;
- Các loại cây rau giống : cà giống, ớt giống, cải giống, su hào giống...;
- Các loại hạt rau giống.

h) Các loại hàng thủ công dùng cho cá nhân và gia đình :

- Rổ, bị, tấm, dũa, rế, chổi lúa, chổi rế, chổi tre, gầu, gáo dứa múc nước, thùng gánh nước...;
- Mâm, thớt, chày, cối giã, cối xay...;
- Áo tơi, nón lá, mũ lá, mũ nan, quạt nan, quạt giấy;
- Chum, chốe, vại, kiệu, ang, chĩnh, chén, bát đĩa, ấm, hũ... (bằng sành);
- Vỏ phích, nút phích, nút chai, làn mây, mắc áo, ba toong, lược thưa, lược bí, vỏ ấm, bàn chải, chổi phát trần...;
- Giường, chõng, trường kỷ, giát giường bằng tre, nứa...

i) Các loại hàng dùng cho trẻ em :

- Ghế, nôi, xe... bằng mây, tre, nứa;
- Voi, lợn, chim, chuột... bằng giấy, đất, gỗ.

III. LOẠI HÀNG CHỊU THUẾ SUẤT 10%

a) Các loại thực phẩm :

- Gà, vịt, ngan, ngỗng, chim bồ câu;
- Thỏ, chó...;
- Trứng gà, trứng vịt (kể cả trứng muối);
- Các loại cá, (không kể các loại cá vụn nước ngọt đã xếp vào loại chịu thuế 5%);
- Các loại thịt súc vật trên rừng săn bắn được : thịt hươu, thịt nai, thịt lợn rừng...;
- Rùa, ba ba, ếch, lươn...;
- Lợn giống.

b) Các loại đặc sản thuộc loại Mạn dịch có thu mua :

- Cam, quýt, chuối, dứa, nhãn, vải, chanh, hồng, dứa, hạt sen...

c) Các loại hoa tươi :

- Hoa lan, hoa thược dược, hoa cúc, hoa nhài...

d) Các loại hàng khô :

- Hành, tỏi, ớt, củ cải khô, măng (kể cả măng tươi), tai chua, mộc nhĩ, nấm hương...

e) Các loại lâm thổ sản :

- Cau tươi và khô, trầu không, vỏ dẻ...;
- Bương, tre, nứa, giang, luồng, vầu, mây...;
- Củ nâu, lá dong, lá thạch...;
- Mật ong, sáp ong, mật gấu...;
- Các loại cao nấu bằng xương súc vật trên rừng : cao hổ cốt, cao khi...;
- Các loại rắn, tắc kè...;
- Các loại xương da súc vật trên rừng : xương hổ, gạc nai... da hổ, da báo, da trút... (tươi và khô);
- Các loại hạt ép dầu : hạt châu...;

- Các loại lá lợp nhà, làm nón : lá cọ, lá nón;
- Các loại củi đun bếp ;
- Các loại nan vót sẵn, tấm hương...;
- Các loại nông sản khác mà người tự sản xuất đem bán ngoài khu vực tự sản tự tiêu.

g) Các loại bột lấy từ nông lâm sản :

- Bột sắn (kể cả bột sắn giầy), bột khoai, bột đao, bột huỳnh tinh...;
- Bột ca-ri, bột ớt, bột nghệ...;
- Bột keo (đề trộn với hoàng đàn làm hương), bột hoàng đàn (bột của gỗ hoàng đàn)...

h) Các loại bánh làm bằng khoai, sắn :

- Bánh đa mì, bánh đa nướng, bánh đa nem, miến giông riêng...

i) Các loại phế liệu, phế phẩm dùng làm nguyên liệu :

- Các loại giấy vụn, sách báo cũ, giẻ rách...;
- Mảnh thủy tinh, hộp sắt, thiếc cũ, thiếc vụn, sắt vụn...;
- Các loại vỏ ốc, vỏ trai...;
- Các loại xương, lông, súc vật chăn nuôi : xương trâu, xương bò, lông gà, lông vịt...

IV. LOẠI HÀNG CHỊU THUẾ SUẤT 12%

a) Các loại đồ trang trí gia đình :

- Các loại chim cảnh, cá cảnh, chuột bạch, cây cảnh...;
- Các loại lọ hoa, chậu trồng cây cảnh, bể nuôi cá vàng;
- Các loại hoa giấy, đèn giấy...;
- Các loại tranh ảnh, tượng, câu đối, hoành phi, làm bằng giấy, bằng đất, đá, thạch cao, xương, sừng, bằng vỏ ốc, vỏ trai, san hô, gỗ, tre, sơn mài...

b) Các loại hàng dùng cúng tế lễ bái :

- Hương, vàng mã, đèn nến...

c) Các loại hàng công nghệ phẩm cũ.

d) Các loại hàng công nghệ khác :

- Các loại hàng công nghệ mà Nhà nước cho phép buôn chuyển theo yêu cầu kinh tế của địa phương và do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

CHÚ THÍCH

1. Đối với các loại thực phẩm xếp ở mục a loại hàng chịu thuế suất 5%, nếu trị giá chuyển hàng dưới 10đ thì được miễn thuế buôn chuyển.

2. Đối với các loại hàng khác, nếu có mặt hàng nào mà địa phương thấy cần hạ cấp thuế hoặc nâng cấp thuế đề dầy mạnh giao lưu hoặc hạn chế kinh doanh buôn chuyển thì đề nghị về Bộ Tài chính quyết định, theo điều 38 trong Điều lệ thuế công thương nghiệp.

Đối với những mặt hàng ghi trong bảng hướng dẫn này mà Ủy ban hành chính địa phương quyết định không đề thương nhân buôn bán thì cơ quan thu không thu thuế buôn chuyển, mà giữ hàng lại đề giao qua cơ quan thu mua giải quyết.

www.ThuVienPhapLuat.com
096.752.152
Tel: +84-8-3845 6684